

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 267/2019/DS-PT

Ngày: 30/9/2019

V/v: tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán:

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm
sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLPT-DS ngày 15/7/2019 về tranh
chấp quyền sử dụng đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án
nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2019/QĐ-PT ngày
02/8/2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Chung Thanh H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số nhà 416/3D, đường L, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Số nhà 199E, (số nhà mới 3/5/1) ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến
Tre

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn Th (Võ Văn Th), sinh năm 1938;

Địa chỉ: Số nhà 86A/2, ấp A, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Võ Thanh H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 132, đường L, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1943

Địa chỉ: Số nhà 199Đ, ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Võ Thanh H, sinh năm 1976

3. Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Số nhà 132, đường L, Phường 2, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Chị Diệu, bà Ch ủy quyền cho anh Võ Thanh H tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2017)

4. Ủy ban nhân dân huyện CT

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện CT: Ông Nguyễn Duy A – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT (Xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn Th

(Bà X, anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn là chị Chung Thanh H trình bày: Chị đang sử dụng phần đất có diện tích 3.110,2m² thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015. Phần đất tranh chấp có diện tích khoảng 50m² thuộc thửa đất trên. Nguồn gốc đất là của bà nội chị là cụ Chung Thị N cho cha chị H là ông Chung Văn G vào khoảng năm 1975. Ông Giáo canh tác đất một thời gian thì cho chị H. Đất của chị liền kề với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 23 của ông Võ Văn Th, giữa hai phần đất này có con đường nông thôn. Trước đây, ông Th có xây dựng cây cầu bắc qua rạch lạch về phần đất của chị. Năm 1991 ông Th dời cầu về vị trí hiện nay, cũng là ranh đất. Sau này ông Giáo làm mương dẫn nước cách đường ranh 1,5m thì ông Th chiếm lấy phần đất này và trồng dừa vào năm 2007. Việc ông Th trồng dừa trên đất thì gia đình chị có yêu cầu ông Th không được trồng nhưng không gửi đơn đến chính quyền địa phương. Ông Th quản lý, canh tác phần đất này cho đến nay. Năm 1993, gia đình chị có làm đơn gửi đến UBND xã Sơn Đông nhưng hòa giải không thành. Sau này, chị có gặp ông Th thương lượng nhưng giải quyết không được. Nay chị yêu cầu ông Th, bà Ch trả lại cho chị phần đất có diện tích là 86,6m² thuộc một phần thửa số 53, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn là ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) do anh Võ Thanh H đại diện trình bày: Ông Võ Văn Th đang quản lý thửa đất số 24, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất là của địa chủ. Năm 1995 ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất. Phần đất của ông Th giáp với đất của ông Giáo (cha chị H). Giữa đất ông Th và ông Giáo là một con mương có đoạn rộng 08m, toàn bộ con mương là của ông Giáo. Giáp con mương là

bờ dừa của ông Th. Năm 1995, sau khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà X là mẹ chị H đến hỏi mua hàng dừa thì gia đình anh mới phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp thiếu đất và đất của gia đình anh bị lấn chiếm. Tháng 3/2015 gia đình anh có khiếu nại và UBND xã TP có tiến hành hòa giải nhưng không thành. Trước năm 2007, anh H không biết giữa hai phần đất này có trụ ranh hay không. Năm 2007 khi đoàn đo đạc đo thì ông Giáo và ông Th có thỏa thuận cắm trụ ranh và có sự chứng kiến của ông Th và bà Ch. Ranh đất là đường thẳng nên hai bên chỉ cắm trụ ranh, sau đó trụ ranh bị vùi lấp nên anh H cắm lại trụ ranh khác tại vị trí cũ. Khi anh H cắm ranh thì gia đình chị H có biết nhưng không có ý kiến gì. Nay anh H không đồng ý với yêu cầu của chị H và có yêu cầu phản tố yêu cầu tòa án công nhận phần đất có diện tích 86,6m² thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 23 thuộc quyền sử dụng của ông Th.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Ch, anh Võ Thanh H và chị Nguyễn Ngọc Diệu thống nhất với lời trình bày của ông Th.

Ủy ban nhân dân huyện CT do anh Nguyễn Duy A đại diện trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H là đúng quy trình. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị H. Sau khi tòa án giải quyết thế nào sẽ điều chỉnh cho phù hợp nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị H.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 12/2019/DS-ST ngày 13/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 100, 166 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thanh H. Buộc ông ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) và bà Lê Thị Ch, anh Võ Thanh H, chị Nguyễn Ngọc Diệu có trách nhiệm trả cho chị Chung Thanh H phần đất có diện tích 72,9m² (được ký hiệu trên họa đồ là thửa 53-2) thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp PT, xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do chị Chung Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất còn lại của chị Chung Thanh H dài 66,99m

Hướng Tây Bắc giáp đường nông thôn dài 22,20m + 44,89m;

Hướng Nam giáp kênh xáng dài 5,13m.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) đối với phần đất có diện tích diện tích 13,7m² (được ký hiệu trên họa đồ là thửa 24-2), thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Ch đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường nông thôn dài 10,65m + 14,23m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) và bà Lê Thị Ch dài 24,78m.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thanh H đối với phần đất có diện tích 156m² do chị H rút yêu cầu.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) đối với phần đất có diện tích 161,6m² do ông Th có yêu cầu.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của anh Võ Thanh H do anh Võ Thanh H rút yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/5/2019 ông Võ Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên Toà phúc thẩm, chị H giữ yêu cầu khởi kiện, ông Th giữ kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Th, bác yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thanh H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra Xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị Chung Thanh H yêu cầu ông Võ Văn Th, bà Lê Thị Ch trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 86,6m² thuộc một phần thửa số 53-2 và 24-2 tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Ông Th không đồng ý với yêu cầu của chị H và có yêu cầu phản tố yêu cầu tòa án công nhận cho ông Th quyền sử dụng phần đất trên.

[2] Xét yêu cầu phản tố của ông Th về việc yêu cầu tòa án công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích là 72,9m² thuộc thửa 52-2, nhận thấy rằng: đất tranh chấp là một phần của thửa số 53 tờ bản đồ số 23 xã TP do chị Chung Thanh H đứng tên. Theo “Đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” ngày 18/3/2015 thể hiện phần đất này có diện tích 3.110,2m²; thửa cũ là 1828, 1829 tờ bản đồ số 01, diện tích 2.400m² như vậy diện tích đất của chị H theo sổ mới chênh lệch thừa so với sổ cũ là 710,2m². Theo “Biên bản xác minh về việc sai lệch diện tích” ngày 03/11/2014 của UBND xã TP thì năm 1998, ông Giáo (cha chị H) được cấp quyền

sử dụng đất có diện tích là 9.500m². Qua đo đạc chính qui thì diện tích mới là 10.656m², tăng so với diện tích cũ là 1.156m². Diện tích đất của chị H tăng, nhưng bà X cho rằng từ trước đất nay không mua bán hay tặng cho ai. Đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 23 của ông Võ Văn Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999 có diện tích là 12.050m². Theo kết quả đo đạc chính quy năm 2007 thì thửa đất của ông Th có diện tích là 12.028,6m², bị chênh lệch thiếu là 21,4m². Ngoài ra theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 02/10/2018 và Công văn số 138/CNCT-KTĐĐ ngày 01/4/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành thì diện tích theo đo đạc hiện trạng của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 23 của ông Th là 11.863,1m² chênh lệch thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015 là 165,5m².

Tại phiên Tòa phúc thẩm ngày 23/8/2019, anh H cho rằng các cây dừa trên phần đất tranh chấp do ông Th trồng vào khoảng năm 1960, bà X cho rằng các cây dừa được trồng vào khoảng năm 1993. Các đương sự không thống nhất về mốc thời gian trồng cây dừa trên đất nên đã yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để xác định tuổi của các cây dừa có trên phần đất tranh chấp. Tại Biên bản làm việc ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thì anh H và bà X đều thống nhất có tổng cộng 12 cây dừa trên phần đất tranh chấp, bao gồm 09 cây dừa lớn, 03 cây dừa nhỏ và tất cả 12 cây dừa này đều do ông Th trồng. Theo kết quả giám định của cán bộ chuyên môn thì 03 cây dừa nhỏ được trồng vào năm 2013 là 06 năm tuổi. Còn 09 cây dừa lớn được xác định là khoảng 45 năm tuổi, tức là được trồng vào khoảng năm 1974. Bà X không đồng ý với kết quả là 09 cây dừa lớn được trồng cách đây 45 năm, tuy nhiên bà X đồng ý trong số 09 cây dừa lớn thì có 04 cây dừa là được trồng cách đây 45 năm còn lại những cây khác thì trồng sau.

Như vậy, có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp do ông Th sử dụng từ năm 1974 đến nay. Mặc dù chị H là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế thì chị H không có thời gian nào sử dụng đất. Tại “Tờ tự khai” ngày 15/8/2017 của đại diện UBND huyện Châu Thành thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị H có một phần diện tích 65,3m² do hộ ông Võ Văn Th và Lê Thị Ch đang quản lý, sử dụng là không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, lời trình bày của anh H là có căn cứ và phù hợp với thực tế. Phần đất tranh chấp diện tích đất hiện nay của ông Th bị thiếu trong khi diện tích đất của chị H lại dư.

Như vậy, có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp có diện tích 72,9m² (được ký hiệu trên họa đồ là thửa 53-2) thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ số 23 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Võ Văn Th. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị H, bác yêu cầu phản tố của ông Th đối với phần diện tích đất này là thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th và không phù hợp với các tài liệu có

trong hồ sơ vụ án. Cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Th, sửa án sơ thẩm như đề nghị đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX. Do kháng cáo được chấp nhận và ông Th là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Th (Võ Văn Th), sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT.

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 100, 166 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thanh H về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) và bà Lê Thị Ch trả lại phần đất có diện tích 86,6m² thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 86,6m² thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn Th (Võ Văn Th). Bao gồm:

- Phần đất có diện tích 13,7m² (được ký hiệu trên họa đồ là thửa 24-2), thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Ch đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường nông thôn dài 10,65m + 14,23m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) và bà Lê Thị Ch dài 24,78m.

- Phần đất có diện tích 72,9m² (được ký hiệu trên họa đồ là thửa 53-2) thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp PT, xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do chị Chung Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất còn lại của chị Chung Thanh H dài 66,99m

Hướng Tây Bắc giáp đường nông thôn dài 22,20m + 44,89m;

Hướng Nam giáp kênh xáng dài 5,13m.

Có họa đồ kèm theo.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện CT điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Chung Thanh H sang cấp cho ông Võ Văn Th phần đất có

diện tích 72,9m² (được ký hiệu trên họa đồ là thửa 53-2) thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thanh H đối với phần đất có diện tích 156m² do chị H rút yêu cầu.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) đối với phần đất có diện tích 161,6m² do ông Th có yêu cầu.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của anh Võ Thanh H do anh Võ Thanh H rút yêu cầu.

6. Về chi phí tố tụng;

Ghi nhận anh Võ Thanh H đại diện cho ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) tự nguyện chịu chi phí đo đạc số tiền là 1.766.000đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên chị Chung Thanh H phải chịu số tiền chi phí, đo đạc, định giá và chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cấp sơ thẩm là 3.343.875đ (Ba triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Ghi nhận chị H đã chịu xong.

Chi phí thu thập chứng cứ tại cấp phúc thẩm là 1.180.000đ (Một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) anh Võ Thanh H đã nộp xong. Do kháng cáo của ông Th được chấp nhận nên chị Chung Thanh H phải hoàn trả cho anh Võ Thanh H số tiền 1.180.000 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Võ Thanh H số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009839 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Chị Chung Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.217.000đ (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001231 ngày 16/01/2017 số tiền 250.000đ và theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013318 ngày 01/12/2017 số tiền 967.000đ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT). Chị Chung Thanh H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa sau khi được khấu trừ là 917.000đ (Chín trăm mười bảy ngàn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn Th (Võ Văn Th) không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Văn Ngọt

Huỳnh Ngọc Dũng